

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/DS-ST**

Ngày: 09/4/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Pha.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bình và ông Nguyễn Văn Cử.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2020 và số 102A/2020/TLST-DS ngày 06/01/2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Đình Thụy Đ, sinh năm 1988. Có mặt.

Trú tại: Khu phố TH, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Vợ chồng ông Phạm Ngọc M, sinh năm: 1982 và bà Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1985. Bà T có mặt, ông Minh vắng mặt.

Trú tại: Thôn NA, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần KL – phòng giao dịch huyện S, chi nhánh tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Khu phố TH, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện: Ông Đào Đức Kh – giám đốc phòng giao dịch huyện S – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/12/2020, tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn trình bày như sau: Do giữa nguyên đơn Nguyễn Đình Thụy Đ với vợ chồng bị đơn Phạm Ngọc M và Lê Thị Thanh T

trú tại thôn NA, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên có quan hệ làm ăn với nhau. Ngày 19/8/2019 nguyên đơn Đ có cho vợ chồng bị đơn vay số tiền 420.000.000đ để trả nợ cho ngân hàng thương mại cổ phần KL – phòng giao dịch huyện S, tỉnh Phú Yên. Theo đó hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/ngày, cam kết trả lại tiền vay cho nguyên đơn vào ngày 24/8/2019. Nhưng đến hạn trả nợ, vợ chồng ông M, bà T không vay được tiền ở ngân hàng nên không trả được tiền cho nguyên đơn. Sau đó nguyên đơn đã nhiều lần đòi vợ chồng ông M, bà T trả cho nguyên đơn khoản tiền này nhưng ông M, bà T vẫn không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu vợ chồng ông M, bà T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 420.000.000đ tiền gốc và lãi suất 20%/năm, tính từ ngày vay đến ngày 31/12/2020, thành tiền: 116.600.000đ.

Trình bày của bị đơn Lê Thị Thanh T: Ngày 19/8/2019 vợ chồng bà T có vay của nguyên đơn Đ số tiền 420.000.000đ để trả nợ ngân hàng KL, thỏa thuận lãi suất như nguyên đơn trình bày. Nhưng sau khi trả nợ xong cho Ngân hàng KL – phòng giao dịch huyện S, do tôi thuộc nhóm nợ xấu nên ngân hàng không cho vay lại nên còn nợ số tiền đã vay của nguyên đơn 420.000.000đ. Sau đó tôi có lên Ngân hàng để liên hệ vay tiền để trả cho nguyên đơn, nhưng ngân hàng nói chỉ duyệt cho tôi vay được 300.000.000đ, tôi có hỏi nguyên đơn là trả trước 300.000.000đ được không, còn bao nhiêu để tôi tính nữa nhưng nguyên đơn Đ không đồng ý, mà yêu cầu trả đủ 420.000.000đ nên tôi không vay tiền ở Ngân hàng KL và còn nợ chị Đ 420.000.000đ cho đến nay. Tôi có giao cho chị Đ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng tôi cho chị Đ giữ. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tôi xác nhận có vay và còn nợ chị Đ số tiền 420.000.000đ và xin trả dần 2.000.000đ/tháng cho đến khi nào Ngân hàng cho tôi vay lại thì tôi vay để trả cho chị Đ hoặc cho đến khi nào hết nợ. Đối với yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn, tôi xin nguyên đơn không tính vì hiện tại gia đình rất khó khăn. Chồng tôi là Phạm Ngọc M có biết tôi vay tiền của chị Đ để trả nợ cho ngân hàng KL, chồng tôi hiện đi làm ăn xa không về được, xin xét xử vắng mặt và thống nhất theo ý kiến của tôi, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần KL – phòng giao dịch huyện S, chi nhánh tỉnh Phú Yên trình bày: Vợ chồng bà Lê Thị Thanh T và ông Phạm Ngọc M có thể chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để vay của Ngân hàng KL số tiền 400.000.000đ. Ngày giải ngân 15/9/2018, thời hạn vay 12 tháng, ngày 21/8/2019 bà T nộp tiền và thanh lý hợp đồng tín dụng. Trong quá trình vay, bà T và anh M rất nhiều lần trễ hạn trả lãi và gốc nên ngân hàng xem xét không đủ điều kiện để giải ngân, từ đó đến nay, ngân hàng không gặp lại bà T và ông M.

Việc tranh chấp về khoản vay tiền giữa nguyên đơn với bị đơn, ngân hàng không có liên quan và ý kiến gì, xin vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 420.000.000đ và yêu cầu tính lãi 20%/năm tính từ ngày 19/8/2019 đến ngày 31/12/2020, thành tiền 116.600.000đ. Bị đơn T đồng ý trả tiền gốc 420.000.000đ và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ. Đối với khoản tiền lãi xin nguyên đơn không tính. Bị đơn Phạm Ngọc M xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra lại tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà Nguyễn Đình Thụy Đ khởi kiện vợ chồng ông Phạm Ngọc M và bà Lê Thị Thanh T để đòi lại số tiền 420.000.000đ tiền gốc và yêu cầu tính lãi. Xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn NA, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Xét thấy, ngày 19/8/2019, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Đình Thụy Đ với bị đơn vợ chồng ông Phạm Ngọc M và bà Lê Thị Thanh T có xác lập hợp đồng vay tài sản. Theo đó bị đơn vay, còn nợ của nguyên đơn số tiền là 420.000.000đ tiền gốc là có thật. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc bị đơn đã vay và còn nợ là 420.000.000đ về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có cơ sở. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn xin được trả nợ dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết số nợ 420.000.000đ vì không có căn cứ.

Đối với yêu cầu về khoản tiền lãi: Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất 3%/ngày. Xét sự thỏa thuận về lãi suất này không phù hợp với quy định của pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu lãi suất 20%/năm tính từ ngày 19/8/2019 đến ngày 31/12/2020 là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả đủ cho nguyên đơn số tiền lãi theo yêu cầu. Đối với số tiền lãi từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[3] *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí DSST.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Đình Thụy Đ.

2. Buộc bị đơn vợ chồng ông Phạm Ngọc M bà Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ trả đủ số tiền 536.600.000đ (năm trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn Nguyễn Đình Thụy Đ về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong đó 420.000.000đ tiền gốc và 116.600.000đ tiền lãi.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Phạm Ngọc M bà Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 25.464.000đ. Trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Đình Thụy Đ 12.815.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu tạm ứng án phí số 0006287 ngày 23/12/2020 và biên lai số 0006302 ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sơn Hòa;
- Chi cục THADS huyện Sơn Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu TA và HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Pha

